

Số: /QĐ-BNN-ĐĐ

Hà Nội, ngày

tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án thành phần số 2:

**Đê biển Cồn Tròn, Hải Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
thuộc dự án Củng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 3380/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; số 3020/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Củng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ;

Căn cứ văn bản số 538/UBND-VP3 ngày 28/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc đề nghị giao Chủ đầu tư thực hiện dự án thành phần số 2: Đê biển Cồn Tròn, Hải Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định thuộc dự án Củng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ;

Xét Tờ trình số 676/TTr-BQL-TĐ ngày 29/9/2023 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần số 2: Đê biển Cồn Tròn, Hải Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 426/VKTCT-BCTT ngày 29/9/2023 của Viện Kỹ thuật công trình - Trường Đại học Thủy lợi và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do Liên danh Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Định - Công ty cổ phần FANCO - Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật thủy lợi - Trung tâm Quy hoạch và Phát triển nông thôn I lập;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 62/BC-ĐĐ-QLĐĐ ngày 05/10/2023) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần số 2: Đê biển Cồn Tròn, Hải Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định thuộc dự án củng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án thành phần

Dự án thành phần số 2: Đê biển Cồn Tròn, Hải Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Thuộc dự án: Củng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng

Chống sạt lở bờ, giảm sóng, gây bồi tạo bãi, tăng cường khả năng an toàn cho tuyến đê biển hiện có để bảo vệ dân cư và cơ sở hạ tầng thiết yếu phía trong đê; phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ đê biển khi có sự cố, góp phần ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

6. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Đê biển Cồn Tròn: Xây dựng thêm cơ giảm sóng dài 275m và hệ thống 10 mỏ hàn chữ T.

b) Đê biển Hải Thịnh II: Xây dựng thêm cơ giảm sóng dài 1.295m; xây dựng mới 04 mỏ hàn chữ T; sửa chữa, nâng cấp cánh của 05 mỏ hàn hiện có.

c) Đê biển Hải Thịnh III: Xây dựng thêm cơ giảm sóng dài 225m; xây dựng mới 03 mỏ hàn chữ T.

d) Kè Thịnh Long: Xây dựng mới tuyến kè dài 1.808m thay thế kè cũ đã bị hư hỏng hoàn toàn; thêm cơ giảm sóng dài 800m và hệ thống 12 mỏ hàn chữ T.

7. Tổ chức tư vấn lập khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng NN&PTNT Nam Định - Công ty cổ phần Fanco - Trung tâm Khoa học và triển khai Kỹ thuật Thủy lợi - Trung tâm Quy hoạch và Phát triển nông thôn I.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình

- Loại, nhóm dự án: Công trình đê điều, nhóm B.
- Cấp công trình: cấp IV.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 12845:2020 - Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- TCVN 9901:2014 - Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê biển.

- TCVN 12261:2018 - Công trình thủy lợi - Kết cấu bảo vệ bờ biển - Yêu cầu thiết kế hệ thống công trình giữ cát giảm sóng.

- TCVN 4253:2012 - Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 8422:2010 - Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công.

- TCVN 4116:1985 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9346:2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển.

- TCVN 9139:2012 - Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép vùng ven biển - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 11736:2017 - Công trình thủy lợi - Kết cấu bảo vệ bờ biển - Thiết kế, thi công và nghiệm thu.

11. Phương án xây dựng

Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình cắt giảm sóng, gây bồi, bảo vệ bờ, đê biển hiện có khu vực đê biển Cồn Tròn, Hải Thịnh, thuộc tuyến đê biển Hải Hậu, tỉnh Nam Định với quy mô và giải pháp thiết kế như sau:

11.1. Đê biển Cồn Tròn

Xây dựng bổ sung thêm cơ giảm sóng và hệ thống 10 mỏ hàn chữ T:

a) Thêm cơ giảm sóng: Bổ sung thêm cơ giảm sóng, tổng chiều dài khoảng 275m; kết cấu bằng đá học trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật; mặt cơ xếp 2 lớp cấu kiện Tetrapod, tổng chiều dài 230m.

b) Hệ thống 10 mỏ hàn chữ T

- Thân mỏ hàn: Chiều dài từ (70-90)m; kết cấu lõi bằng đá học trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật; gia cố bên ngoài bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn tiêu sóng (dạng Hohlquader); riêng mỏ hàn số 1 (mỏ biên của hệ thống) gia cố mái phía ngoài bằng 2 lớp cấu kiện Tetrapod.

- Cánh mỏ hàn: Chiều dài 60m; kết cấu lõi bằng đá học trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật; gia cố mái phía biển và 2 đầu cánh mỏ bằng 2 lớp cấu kiện Tetrapod, mặt đỉnh và mái cánh mỏ phía bờ gia cố bằng 1 lớp cấu kiện bê tông đúc sẵn tiêu sóng (dạng Hohlquader); chân cánh mỏ hàn được gia cố chống xói bằng lăng thể đá học trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật, trên mặt lăng thể xếp 1 lớp cấu kiện bê tông đúc sẵn có lỗ tiêu

sóng (dạng Hohlquader).

11.2. Đề biển Hải Thịnh II

Xây dựng thêm cơ giảm sóng và bổ sung 04 mỏ hàn chữ T; sửa chữa, nâng cấp cánh cửa 05 kè mỏ hàn chữ T hiện có:

a) Thêm cơ giảm sóng:

Xây dựng mới 10 đoạn thêm cơ giảm sóng vị trí ở giữa các mỏ hàn, tổng chiều dài 1.295m; kết cấu bằng đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật; mặt cơ xếp 2 lớp cấu kiện Tetrapod, tổng chiều dài 740m.

b) Bổ sung 04 kè mỏ hàn chữ T (đánh số từ mỏ số 6 đến mỏ số 9):

- Thân mỏ hàn: Chiều dài từ (50-90)m; kết cấu lõi bằng đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật, gia cố bên ngoài bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn tiêu sóng (Hohlquader).

- Cánh mỏ hàn: Chiều dài 60m; kết cấu lõi bằng đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật; gia cố mái phía biển và 2 đầu cánh mỏ bằng 2 lớp cấu kiện Tetrapod, mặt đỉnh và mái cánh mỏ phía bờ bằng 1 lớp cấu kiện bê tông đúc sẵn tiêu sóng (dạng Hohlquader); chân cánh mỏ hàn được gia cố chống xói bằng lăng thể đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật, trên mặt lăng thể xếp 1 lớp cấu kiện bê tông đúc sẵn tiêu sóng (dạng Hohlquader).

c) Sửa chữa, nâng cấp cánh 05 mỏ hàn hiện có (từ mỏ số 1 đến mỏ số 5):

- Xây dựng bổ sung thêm cơ chống xói, giảm sóng phía ngoài cánh mỏ hiện có (từ chân ống buy hiện có ra phía biển): kết cấu lõi bằng đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật; gia cố mặt ngoài bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn tiêu sóng (dạng Hohlquader); mặt cơ, mái phía biển xếp 2 lớp cấu kiện Tetrapod.

- Sửa chữa, khôi phục những vị trí bị sụt lún, hư hỏng.

11.3. Đề biển Hải Thịnh III

Xây dựng thêm cơ giảm sóng và 03 mỏ hàn chữ T:

a) Thêm cơ giảm sóng:

Xây dựng mới 03 đoạn thêm cơ giảm sóng ở giữa các mỏ hàn, tổng chiều dài 225m; kết cấu bằng đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật; mặt cơ xếp 2 lớp cấu kiện Tetrapod.

b) Xây dựng 03 mỏ hàn chữ T:

- Thân mỏ hàn: Chiều dài từ (50-100)m; kết cấu lõi bằng đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật, gia cố bên ngoài bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn tiêu sóng (dạng Hohlquader).

- Cánh mỏ hàn: Chiều dài 60m; kết cấu lõi bằng đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật; gia cố mặt ngoài bằng 2 lớp cấu kiện Tetrapod; chân cánh mỏ hàn được gia cố chống xói bằng lăng thể đá hộc trên lớp đá lót, phía dưới là bè đệm tre và vải địa kỹ thuật, trên mặt lăng thể xếp 1 lớp cấu kiện bê tông đúc sẵn có lỗ tiêu sóng (dạng Hohlquader).

11.4. Kè Thịnh Long

Xây dựng tuyến kè thay thế kè cũ đã bị hư hỏng, sập lún hoàn toàn; xây dựng 12 mỏ hàn chữ T và thêm cơ giảm sóng giữa các mỏ hàn:

a) Xây dựng tuyến kè thay thế kè cũ bị hư hỏng:

Hình thức kè mái nghiêng, chiều dài tuyến khoảng 1.808m, kết cấu như sau:

- Đỉnh kè: Làm đường đỉnh kè ở cao trình +3,0m bằng bê tông cốt thép M300 dày 30cm, rộng 7,45m, phía dưới là bê tông lót, dưới cùng là lớp đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$; phía trong bố trí tường hắt sóng bằng bê tông cốt thép M300, cao trình đỉnh tường +3,50m. Sau tường hắt sóng, gia cố mái bằng bê tông cốt thép M300 dày 20cm; chân mái bố trí rãnh tiêu nước bằng bê tông cốt thép M300 và tiêu thoát tập trung tại cống tiêu nước qua thân kè.

- Thân kè: Tháo dỡ kè cũ đã hư hỏng, sập lún và đắp lại bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$, hệ số mái $m=4$; gia cố mái kè bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M300 có liên kết ngầm, dưới có lớp đệm bằng đá dăm và vải lọc địa kỹ thuật.

- Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè +0,00m; kết cấu gồm dầm khóa chân mái bằng bê tông cốt thép M300, phía ngoài là hàng ống buy bằng bê tông cốt thép M300, đường kính $D=1,5m$, cao 2,0m; phía ngoài gia cố chống xói bằng lăng thể đá học trên lớp đá lót và vải địa kỹ thuật, trên mặt lăng thể xếp đá học chèn chặt dày 50cm.

b) Hệ thống 12 kè mỏ hàn chữ T:

- Thân mỏ hàn: Chiều dài 70m; kết cấu lõi bằng đá học trên lớp đá lót, phía dưới là bệ đệm tre và vải địa kỹ thuật, gia cố bên ngoài bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn tiêu sóng (dạng Hohlquader).

- Cánh mỏ hàn: Chiều dài 80m; kết cấu lõi bằng đá học trên lớp đá lót, phía dưới là bệ đệm tre và vải địa kỹ thuật; gia cố mặt ngoài bằng 2 lớp cấu kiện Tetrapod; chân cánh mỏ hàn được gia cố chống xói bằng lăng thể đá học trên lớp đá lót, phía dưới là bệ đệm tre và vải địa kỹ thuật, trên mặt lăng thể xếp 1 lớp cấu kiện bê tông đúc sẵn có lỗ tiêu sóng (dạng Hohlquader).

c) Thêm cơ giảm sóng:

Xây dựng 12 đoạn thêm cơ giảm sóng ở giữa các góc mỏ hàn, tổng chiều dài 800m; kết cấu bằng đá học trên lớp đá lót, phía dưới là bệ đệm tre và vải địa kỹ thuật; mặt cơ xếp 2 lớp cấu kiện Tetrapod.

12. Tổng mức đầu tư dự án thành phần: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng). Trong đó:

- Chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án:	4.773.489.000 đồng.
- Chi phí giai đoạn thực hiện dự án:	495.226.511.000 đồng.
+ Chi phí xây dựng:	442.352.627.000 đồng.
+ Chi phí thiết bị:	477.149.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	6.107.302.000 đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	12.959.738.000 đồng.

+ Chi phí khác:	8.929.976.000 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	24.399.719.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

16. Một số lưu ý trong giai đoạn sau

- Kiểm tra, rà soát, bổ sung, cập nhật tài liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy hải văn đảm bảo phù hợp với hiện trạng, tuân thủ quy định, tiêu chuẩn hiện hành làm cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình phù hợp. Rà soát, cập nhật lý trình tuyến đề biển Hải Hậu được Bộ Nông nghiệp và PTNT phân loại, phân cấp tại Quyết định số 3840/QĐ-BNN-ĐĐ ngày 13/9/2023.

- Tổ chức tính toán, kiểm tra kết cấu, ổn định công trình theo quy định hiện hành để xác định cụ thể, chính xác hóa các thông số thiết kế kè mái nghiêng, kè mỏ hàn, thêm cơ giảm sóng (phạm vi, khoảng cách, cao trình, hệ số mái, kết cấu kè, thêm cơ, thân, cánh mỏ hàn, độ lún,...) đảm bảo kinh tế - kỹ thuật. Rà soát xác định cụ thể số lượng, vị trí, quy mô thiết kế các bậc lên xuống, cống tiêu nước qua kè Thịnh Long đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước, thuận lợi công tác quản lý vận hành và phục vụ dân sinh.

- Rà soát nguồn vật liệu để lựa chọn đảm bảo chất lượng, giá thành, chi phí vận chuyển đến chân công trình, kinh tế - kỹ thuật; quy định cụ thể việc lựa chọn vật liệu, đặc biệt là lớp đá học phía ngoài lăng thể; xác định cụ thể khối lượng bóc dỡ kết cấu kè Thịnh Long cũ đã bị hư hỏng, sập lún hoàn toàn và phương án tận dụng (nếu có) hoặc vận chuyển đến vị trí đổ thải quy định.

- Lập tiến độ, biện pháp tổ chức thi công chi tiết; xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thi công, lựa chọn biện pháp, thiết bị thi công phù hợp với điều kiện khu vực (thủy triều, sóng, gió, điều kiện cung cấp vật liệu, ...); quy định biện pháp quản lý, giám sát để đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, an toàn trong quá trình thi công, ổn định công trình.

- Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm rà soát tính pháp lý, sự phù hợp của việc lựa chọn thông số thủy hải văn; kết quả tính toán lựa chọn quy mô, kết cấu công trình; khối lượng thiết kế bản vẽ thi công; biện pháp thi công; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng định mức, đơn giá theo quy định hiện hành (bao gồm cả việc lập, áp dụng các công việc, vật liệu chưa có trong hệ thống định mức, đơn giá); phối hợp với đơn vị có liên quan của Tỉnh trong quá trình thi công, xây dựng công trình để đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn phòng chống thiên tai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định:

- Chỉ đạo chính quyền địa phương, cơ quan chức năng có liên quan phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo chất lượng, tiến độ dự án.

- Giao và chỉ đạo đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh Nam Định để quản lý, khai thác công trình theo quy định.

2. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan của giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi cho Chủ đầu tư dự án.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước theo đúng quy định hiện hành.

4. Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai là cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

5. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KHĐT;
- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Nam Định;
- KBNN tỉnh Nam Định;
- Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính;
- Lưu: VT, ĐD (QLĐD, KHTC).(15b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp